

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7- V**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2025/HNGĐ-ST

Ngày 22/9/2025

Về việc: “Ly hôn, Tranh chấp
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7- V**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thế Trang Đền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Thuận.

2. Bà Võ Thị Thanh Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Lan Chi, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7- V.

Ngày 22 tháng 9 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 7- V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 215/2025/TLST-HĐGD ngày 19 tháng 5 năm 2025 về việc “Ly hôn, Tranh chấp nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2025/QĐXXST-HĐGD ngày 18 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 86/2025/QĐST-HĐGD ngày 10/9/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1980; Địa chỉ (cũ): 591, ấp B, xã H, huyện G, tỉnh B.

ở ay là ấp B, xã H, tỉnh V

- Bị đơn: Ông Huỳnh Văn Sài E, sinh năm: 1984; Địa chỉ (cũ): 591, ấp B, xã H, huyện G, tỉnh B.

ở ay là ấp B, xã H, tỉnh V

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 23/4/2025, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà và bị đơn là ông Huỳnh văn Sài E chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện G, tỉnh B (cũ), vào ngày 04/3/2005. Hôn nhân do tự nguyện. Sau kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến đầu năm 2024 thì xảy ra mâu thuẫn và ly thân từ tháng 01/2024 cho đến nay. ở guyên nhân chính xảy ra mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Do tình cảm vợ chồng không còn nữa nên bà có yêu cầu ly hôn với ông E.

Về con chung: Bà và ông E có 02 con chung tên là Huỳnh Thị Thảo T, sinh ngày 02/11/2002 và Huỳnh Thị Thảo ả, sinh ngày 18/11/2013, hiện Thảo Trang đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được. Đối với con chung là Thảo ả gọc chưa thành niên do bà đang trực tiếp nuôi dưỡng. Bà có yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung chưa thành niên, bà không có yêu cầu ông E có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do hiện tại bà đi làm ăn xa, không có điều kiện đi lại, bà không thể đến Tòa án giải quyết việc ly hôn của bà và ông E được nên bà có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, bà không có khiếu nại.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện G (ả ay là Tòa án nhân dân khu vực 7- V) đã thông báo và tổ chức các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông E đều vắng mặt không lý do.

Do không thể tiến hành hòa giải được, Tòa án nhân dân khu vực 7- V đã đưa vụ án ra xét xử vào ngày 10 tháng 9 năm 2025, ông E vắng mặt.

Tại phiên tòa sơ thẩm được mở lại vào ngày hôm nay, ông E vẫn vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về tố tụng*: Đối với bà ả guyễn Thị T là nguyên đơn trong vụ án vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; Ông Huỳnh văn Sài E là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà T và ông E.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà T và ông E tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện G, tỉnh B (cũ), vào ngày 04/3/2005 nên quan hệ hôn nhân của ông bà được coi là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét thấy hôn nhân của bà T và ông E được xác lập trên cơ sở tự nguyện của cả hai phía. Quá trình chung sống ông bà xảy ra bất đồng quan điểm nên không còn thương yêu, chăm sóc lẫn nhau. Theo bà T trình bày, bà và ông E đã xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã dẫn đến mâu thuẫn ngày càng gay gắt, tình cảm vợ chồng không còn, không ai quan tâm tới ai nên bà đã tự chia tay và sống ly thân với ông E đến nay đã gần 02 năm, không có thời gian đoàn tụ. Sau khi bà T có yêu cầu xin ly hôn với ông E, Tòa án đã tổ chức các phiên hòa giải để tạo điều kiện động viên cho bà T và ông E hàn gắn, nhưng ông E đều vắng mặt không lý do nên không thể tiến hành hoà giải cho bà T và ông E đoàn tụ được. Việc ông E vắng mặt là ông E đã bỏ mặc với yêu cầu xin ly hôn của bà T, đã đương nhiên từ bỏ quyền trình bày và quyền cung cấp chứng cứ của mình tại tòa. Do bà T không còn tình cảm vợ chồng với ông E nữa nên bà có yêu cầu Tòa

án giải quyết cho bà được ly hôn với ông E. Tòa án đã động viên bà T trở về cùng đoàn tụ với ông E nhưng bà T không đồng ý vẫn cương quyết xin ly hôn với ông E.

Qua đó cho thấy, cuộc sống hôn nhân của bà T và ông E đã mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của bà T cho bà T được ly hôn với ông E.

- *Về con chung*: bà T và ông E có 02 con chung tên là Huỳnh Thị Thảo T, sinh ngày 02/11/2002 và Huỳnh Thị Thảo ả, sinh ngày 18/11/2013, hiện Thảo Trang đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được, bà T không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với con chung là Thảo ả gọc, hiện do bà T đang trực tiếp nuôi dưỡng, bà T đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của trẻ. Mặt khác, Huỳnh Thị Thảo ả đã trên 7 tuổi, Tòa án đã tiến hành lấy ý kiến của Thảo ả gọc, Thảo ả gọc có nguyện vọng được tiếp tục chung sống với mẹ. Do đó, để đảm bảo cuộc sống ổn định và không nên làm xáo trộn về tâm lý của trẻ nên cần giao con chung chưa thành niên là Huỳnh Thị Thảo ả cho bà T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Vì vậy, yêu cầu của bà T là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Ông E không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung chưa thành niên do bà T không yêu cầu.

- *Về tài sản chung*: Bà T khai về tài sản chung, tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: bà T khai không có và cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do ông E không đến Tòa án để giải quyết về việc ly hôn nên không xem xét được ông E có yêu cầu về việc tranh chấp tài sản chung và nợ chung hay không. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét nếu sau này các bên có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

- *Về án phí*: bà T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Căn cứ ấ ghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà ả guyễn Thị T được ly hôn với ông Huỳnh văn Sài E.

2. *Về con chung*: Bà ả guyễn Thị T và ông Huỳnh văn Sài E có 02 con chung tên là Huỳnh Thị Thảo T, sinh ngày 02/11/2002 và Huỳnh Thị Thảo ả, sinh ngày 18/11/2013, hiện Huỳnh Thị Thảo T đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được. Giao con chung chưa thành niên là Huỳnh Thị Thảo ả cho bà T tiếp tục

trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông E không phải cấp dưỡng nuôi con do bà T không có yêu cầu.

Ông E có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở ông E thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc của cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: không có tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét nếu sau này các bên có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

4. *Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Bà ả guyến Thị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu số 0010693 ngày 13/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm (ả ay là Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 7 - V). Bà T đã nộp đủ án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, các bên đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh V xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSẢ D khu vực 7- V;
- THADS tỉnh V;
- TAẢ D tỉnh V;
- UBẢ D xã H, tỉnh V
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Võ Thế Trang Đền